



mèng xiāng

梦乡

noun · dreamland; deep sleep

Example Sentences

Tā hěn kuài jiù jìn rù le mèng xiāng

他很快就进入了梦乡。

He quickly fell into a deep sleep.

Tīng zhe yǔ shēng wǒ màn màn chén rù mèng xiāng

听着雨声，我慢慢沉入梦乡。

Listening to the rain, I slowly drifted into dreamland.

Trace each character, then write the word on your own.

梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦
梦	梦	梦								

乡	乡	乡	乡	乡	乡					
